

DANH SÁCH CÔNG KHAI
NGUỒN GỐC SỬ DỤNG ĐẤT, NHÂN KHẨU, CHÍNH SÁCH, TỶ LỆ THU HỒI ĐẤT DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ KỲ ANH, ĐOẠN QUA XÃ KỲ ANH
Kèm theo thông báo số TB-UBND ngày tháng 7 năm 2026

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích	Trong mốc GPMB	Ngoài mốc GPMB	Loại đất	Vị trí	Nguồn gốc (thời điểm sử dụng đất hợp pháp, các giấy tờ sử dụng đất kèm theo)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Tỉ lệ % THĐ đất nông nghiệp	Số khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Chính sách xã hội đủ điều kiện hỗ trợ	Đối tượng sản xuất nông nghiệp TT	Ghi chú
I	Đất hộ gia đình, cá nhân				54663,7	49742,0	4921,7									
1	Bùi Thị Thuận	Phú Long	143	4	847,5	677,9	169,6	LUC	VT1	Đất được cấp GCN QSD đất số BX686986; cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 4 tờ 22	2716,9	31,2%	4		Hộ gia đình SXNNTT	
2	Bùi Thị Mai(Luyên)	Phú Long	143	3	1004,4	939,8	64,6	LUC	VT1	Đất được cấp GCN QSD đất số BX686792; Số vào sổ CH01186 cấp ngày 16/1/2015	2579,7	38,9%	6		Hộ gia đình SXNNTT	
3	Nguyễn Du (Lý)	Phú Long	143	32	1082,8	1011	71,8	LUC	VT1	Đất được cấp GCN QSD đất số BX688348; Số vào sổ CH01220 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 32 tờ 22	1082,8	100,0%	5		Hộ gia đình SXNNTT	
4	Nguyễn Văn Toàn (Xuân)	Phú Long	143	33	1224	1142,4	81,6	LUC	VT1	Đất được cấp GCN QSD đất số BX686979; Số vào sổ CH00796 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 33 tờ 22 diện tích 1224	1224	100,0%	4		Hộ gia đình SXNNTT	
5	Nguyễn Văn Trung (Liên)	Phú Long	143	35	1225,6	1132,1	93,5	LUC	VT1	Đất được cấp GCN QSD đất số BX688356; Số vào sổ CH01213 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 35 tờ 22	1225,6	100,0%	4		Hộ gia đình SXNNTT	
6	Nguyễn Văn Quế (Thúy)	Phú Long	142	81	382,3	382,3	0	LUC	VT1	Đất được giao cho cha mang tên Nguyễn Cầu (đã chết) theo Phương án chuyển đổi năm 2006, chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lần chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất.	1535,5	100,0%	5		Hộ gia đình SXNNTT	
			143	34	1153,2	1065,3	87,9	LUC	VT1	Đất được cấp GCN QSD đất số BX686939; Số vào sổ CH01138 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 34 tờ 22 diện tích 1153,2						
7	Bùi Văn Nghĩa (Hương)	Phú Long	142	46	693,1	626,3	66,8	LUC	VT1	Đất được cấp GCN QSD đất số BX688676; Số vào sổ CH00994 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 46 tờ 21	1539,8	45,0%	4		Hộ gia đình SXNNTT	BS BB KK
8	Nguyễn Văn Tâm (Hoa)	Phú Long	142	45	1160,9	1070,5	90,4	LUC	VT1	Đất được cấp GCN QSD đất số BX686797; Số vào sổ CH01181 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 45 tờ 21	1160,9	100,0%	4		Hộ gia đình SXNNTT	
9	Dương Thị Hữu	Phú Long	142	48	1282,6	1193,1	89,5	LUC	VT1	Đất được cấp GCN QSD đất số BX688764; Số vào sổ CH01088 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 48 tờ 21	1282,6	100,0%	1		Cá nhân SXNN TT	
10	Cao Tiến Lam (Hạnh)	Phú Long	142	50	1248,4	1153,2	95,2	LUC	VT1	Đất được cấp GCN QSD đất số BX688777; Số vào sổ CH01100 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 50 tờ 21	1248,4	100,0%	3		Hộ gia đình SXNNTT	
11	Nguyễn Thị Duyên	Phú Long	142	76	1251,5	1150,8	100,7	LUC	VT1	Đất được cấp GCN QSD đất số BX688694; Số vào sổ CH01010 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 76 tờ 21	1850,4	67,6%	1		Cá nhân SXNN TT	
12	Bùi Văn Chương (Vân)	Phú Long	142	75	1312,2	1202,8	109,4	LUC	VT1	Đất được cấp GCN QSD đất số BX688781; Số vào sổ CH01104 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 75 tờ 21	1312,2	100,0%	5		Hộ gia đình SXNNTT	

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích	Trong mốc GPMB	Ngoài mốc GPMB	Loại đất	Vị trí	Nguồn gốc <i>(thời điểm sử dụng đất hợp pháp, các giấy tờ sử dụng đất kèm theo)</i>	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Tỉ lệ % THĐ đất nông nghiệp	Số khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Chính sách xã hội đủ điều kiện hỗ trợ	Đối tượng sản xuất nông nghiệp TT	Ghi chú
13	Trần Chế (Duyên)	Phú Long	142	84	1174	1059,8	114,2	LUC	VT2	Đất được cấp GCN QSD đất số BX686913; Số vào sổ CH01164 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 84 tờ 21	1174	100,0%	5		Hộ gia đình SXNN TT	
14	Phan Duy Phước (Xinh)	Phú Long	142	85	1123,1	1018	105,1	LUC	VT2	Đất được cấp GCN QSD đất số BX723128; Số vào sổ CH03270 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 85 tờ 21	1123,1	100,0%	4		Hộ gia đình SXNN TT	
15	Nguyễn Thị Sơn (Huân)	Phú Long	142	103	1111,9	1014,7	97,2	LUC	VT2	Đất được cấp GCN QSD đất số BX688754; Số vào sổ CH01078 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 103 tờ 21	1391,9	79,9%	1	Người cao tuổi đang hưởng NĐ 176	Cá nhân SXNN TT	
16	Trần Thị Hiêm	Phú Long	142	102	1103,6	1011,4	92,2	LUC	VT2	Đất được cấp GCN QSD đất số BX723147 ngày 16/01/2015 diện tích 1103,6 m2	1103,6	100,0%	1	Người cao tuổi đang hưởng NĐ 176	Cá nhân SXNN TT	
17	Phan Văn Tuyên (Đôi)	Phú Long	142	123	91,5	91,5		LUC	VT2	Đất được cấp GCN QSD đất số BX688369; Số vào sổ CH01046 cấp ngày 16/1/2015	1101	8,3%	3		Hộ gia đình SXNN TT	
18	Hoàng Đình Quyết (Hiền)	Phú Long	142	152	1075,8	977,4	98,4	LUC	VT2	Đất được cấp GCN QSD đất số BX688363; Số vào sổ CH01052 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 152 tờ 21	2074,4	51,9%	4		Hộ gia đình SXNN TT	
19	Nguyễn Đức Chuyên	Phú Long	142	136	892,3	892,3	0	LUC	VT2	Đất được giao theo Phương án chuyển đổi năm 2006, chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	2886,5	30,9%	5	Bệnh binh 2/3	Hộ gia đình SXNN TT	
20	Nguyễn Tiến Thuật	Phú Long	142	137	759,7	759,7	0	LUC	VT2	Đất được cấp GCN QSD đất số BX688642; Số vào sổ CH01295 cấp ngày 16/1/2015	759,7	100,0%	3	Thương Binh 4/4	Hộ gia đình SXNN TT	
21	Nguyễn Thế Tài (Lợi)	Phú Long	142	120	569	569	0	LUC	VT2	Đất được cấp GCN QSD đất số BX723102; Số vào sổ CH03244 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 120 tờ 21	1741,9	64,9%	6		Hộ gia đình SXNN TT	
		Phú Long	142	121	561,9	561,9	0	LUC	VT2	Đất được cấp GCN QSD đất số BX723102; Số vào sổ CH03244 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 121 tờ 21					Hộ gia đình SXNN TT	
22	Hoàng Đình Dục (Hòa)	Phú Long	142	169	459,9	459,9		LUC	VT2	Đất được cấp GCN QSD đất số BX723134; Số vào sổ CH03276 cấp ngày 16/1/2015 thửa 169 tờ 21	3303	13,9%	3		Hộ gia đình SXNN TT	
23	Nguyễn Tiến Quân (Hòa)	Phú Long	142	151	1895,4	1717,4	178	LUC	VT2	Đất được cấp GCN QSD đất số BX688330; Số vào sổ CH01233 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 151 tờ 21	2421,2	78,3%	4		Hộ gia đình SXNN TT	

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích	Trong mốc GPMB	Ngoài mốc GPMB	Loại đất	Vị trí	Nguồn gốc (thời điểm sử dụng đất hợp pháp, các giấy tờ sử dụng đất kèm theo)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Tỉ lệ % THĐ đất nông nghiệp	Số khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Chính sách xã hội đủ điều kiện hỗ trợ	Đối tượng sản xuất nông nghiệp TT	Ghi chú
24	Trần Thị Liên	Phú Long	142	104	219,4	219,4	0	LUC	VT1	Đất được giao theo Phương án chuyển đổi năm 2006, chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	2018,6	10,9%	5		Hộ gia đình SXNN TT	
25	Nguyễn Thị Kính (Hùng)	Phú Long	142	105	303,4	303,4	0	LUC	VT1	Đất được giao theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (tại thời điểm chuyển đổi ghi tên con trai đầu Hồng), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	303,4	100,0%	2	Người cao tuổi đang hưởng NĐ 176	Hộ gia đình SXNN TT	
26	Bùi Văn Tài (Đồng)	Phú Long	142	106	280,5	280,5	0	LUC	VT1	Đất được giao cho Cha Bùi Hoạch (đã chết) theo Phương án chuyển đổi năm 2006, chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	1978	14,2%	6		Hộ gia đình SXNN TT	
27	Nguyễn Thị Tuyên	Phú Long	142	107	302	302	0	LUC	VT1	Đất được giao theo Phương án chuyển đổi cho gia đình năm 2006 (mang tên chị Tuyên), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	302	100,0%	1		Cá nhân SXNN TT	
28	Nguyễn Văn Thiên (Kha)	Phú Long	142	108	253,7	253,7	0	LUC	VT1	Đất được giao theo Phương án chuyển đổi cho gia đình năm 2006 (Nguyễn Thiên) chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	282374	0,1%	4		Hộ gia đình SXNN TT	
29	Nguyễn Tiến Nhiều (Nhoan)	Phú Long	142	109	204,1	204,1	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Nguyễn Nhiều), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	2413,2	8,5%	2		Hộ gia đình SXNN TT	
30	Nguyễn Thị Lịch (Quyền)	Phú Long	142	83	464,6	464,6	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên chồng Nguyễn Quyền), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	892,6	52,1%	1	Người cao tuổi đang hưởng NĐ 176	Cá nhân SXNN TT	
31	Trương Văn Lịch (Khai)	Phú Long	142	82	353,8	353,8	0	LUC	VT1	Đất được giao theo Phương án chuyển đổi năm 2006 cho bố Trương Nhuận (đã chết), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	2234,6	15,8%	5		Hộ gia đình SXNN TT	

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích	Trong mốc GPMB	Ngoài mốc GPMB	Loại đất	Vị trí	Nguồn gốc (thời điểm sử dụng đất hợp pháp, các giấy tờ sử dụng đất kèm theo)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Tỉ lệ % THĐ đất nông nghiệp	Số khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Chính sách xã hội đủ điều kiện hỗ trợ	Đối tượng sản xuất nông nghiệp TT	Ghi chú
32	Nguyễn Thị Dích (Bùi Sức).	Phú Long	142	80	363,1	363,1	0	LUC	VT1	Đất được giao theo Phương án chuyển đổi năm 2006 cho bố Bùi Sức (đã chết), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	2279,9	15,9%	1		Cá nhân SXNN TT	
33	Nguyễn Khuynh (Nhu)	Phú Long	142	79	333,8	333,8	0	LUC	VT1	Đất được giao theo Phương án chuyển đổi năm 2006, chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	750,8	44,5%	2	Người cao tuổi đang hưởng NĐ 176	Hộ gia đình SXNN TT	
34	Trương Thị Lon (Nguyễn Hà)		142	420	302	302		LUC	VT1	Đất được giao theo Phương án chuyển đổi năm 2006, chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	1723,2	17,5%	1		Cá nhân SXNN TT	
35	Nguyễn Thị Thuởng (Đại)	Phú Long	142	78	391,7	391,7		LUC	VT1	Đất được giao theo Phương án chuyển đổi năm 2006, chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	3074,2	12,7%	3		Hộ gia đình SXNN TT	
36	Trần Thị Miên (Nạch)	Phú Long	142	77	323,1	323,1	0	LUC	VT1	Đất được giao theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (tại thời điểm chuyển đổi ghi tên chồng Bùi Nạch), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	323,1	100,0%	1	Người cao tuổi đang hưởng NĐ 176	Cá nhân SXNN TT	
37	Trần Đình Xinh (Dững)	Phú Long	142	138	305	282,9	22,1	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Trần Xinh), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	932,7	32,7%	2	Người cao tuổi đang hưởng NĐ 176	Hộ gia đình SXNN TT	
38	Cao Văn Giang (Đuyệt)	Phú Long	142	139	268,4	246,4	22	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Cao Giang), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	1435,5	18,7%	6		Hộ gia đình SXNN TT	
39	Nguyễn Ngọc Tài (Ích)	Phú Long	142	140	504,5	459,2	45,3	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Nguyễn Tài), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	1988,6	25,4%	3		Hộ gia đình SXNN TT	

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích	Trong mốc GPMB	Ngoài mốc GPMB	Loại đất	Vị trí	Nguồn gốc (thời điểm sử dụng đất hợp pháp, các giấy tờ sử dụng đất kèm theo)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Tỉ lệ % THĐ đất nông nghiệp	Số khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Chính sách xã hội đủ điều kiện hỗ trợ	Đối tượng sản xuất nông nghiệp TT	Ghi chú
40	Trương Văn Nam (Hương)	Phú Long	142	141	201,3	179,9	21,4	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Trương Nam), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2134	9,4%	4		Hộ gia đình SXNN TT	
41	Nguyễn Thị Sâm (Nhuyến)	Phú Long	142	142	349,8	307,5	42,3	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Cao Nhuyến), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	1730,1	20,2%	1		Cá nhân SXNN TT	
42	Nguyễn Thị Nguyệt	Phú Long	142	143	361,9	315,1	46,8	LUC	VT1	Đất được giao theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (tại thời điểm chuyển đổi ghi tên con trai đầu Tăng), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	716,1	50,5%	1	Người cao tuổi đang hưởng NĐ 176	Cá nhân SXNN TT	
43	Trần Duy Nhân (Phít)	Phú Long	142	115	299,3	250,6	48,7	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Trần Duy Nhân), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2299	27,2%	5		Hộ gia đình SXNN TT	
		Phú Long	142	119	326,8	284,4	42,4	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Trần Duy Nhân), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)						
44	Đào Thị Thiệt	Phú Long	142	118	376,9	327,5	49,4	LUC	VT1	Đất được giao theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên con trai đầu Hin (bà Hin), theo Phương án chuyển đổi năm 2006, chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	717,3	52,5%	1	Người cao tuổi đang hưởng NĐ 176	Cá nhân SXNN TT	
45	Phan Đình Hoàn (Tiến)	Phú Long	142	117	361,6	309,1	52,5	LUC	VT1	Đất được giao cho mẹ (mang tên bà Lợi, đã chết) theo Phương án chuyển đổi năm 2006, chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2617,1	13,8%	3		Hộ gia đình SXNN TT	

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích	Trong mốc GPMB	Ngoài mốc GPMB	Loại đất	Vị trí	Nguồn gốc (thời điểm sử dụng đất hợp pháp, các giấy tờ sử dụng đất kèm theo)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Tỉ lệ % THĐ đất nông nghiệp	Số khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Chính sách xã hội đủ điều kiện hỗ trợ	Đối tượng sản xuất nông nghiệp TT	Ghi chú
46	Cao Văn Thuyền (Dung)	Phú Long	142	116	344,2	290,7	53,5	LUC	VT1	Đất được giao cho mẹ (mang tên bà Huyền, đã chết) theo Phương án chuyển đổi năm 2006, chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2461,1	14,0%	3		Hộ gia đình SXNN TT	
47	Trần Thị Lan	Phú Long	142	114	282,2	233,7	48,5	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên chị Lan), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	1501,2	18,8%	1		Cá nhân SXNN TT	
48	Trần Thị Quyên	Phú Long	142	113	288,1	235,5	52,6	LUC	VT1	Đất được giao theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (sổ chuyển đổi mang tên Cố Đảm và Chị Kiểm (lấy tên con gái đầu), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	945,1	30,5%	1	Hộ nghèo	Cá nhân SXNN TT	
49	Nguyễn Văn Doan	Phú Long	142	111	262	212,5	49,5	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Nguyễn Doan), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	1659,5	15,8%	1		Cá nhân SXNN TT	
50	Nguyễn Hoành (Nguyên)	Phú Long	142	112	429,1	354,5	74,6	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Nguyễn Hoành), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	1102	38,9%	2	Người cao tuổi đang hưởng NĐ 176	Hộ gia đình SXNN TT	
51	Nguyễn Tiến Linh (Hoài)	Phú Long	143	62	290,2	290,2	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Nguyễn Linh), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	2002,4	14,5%	5		Hộ gia đình SXNN TT	
52	Trần Đình Khánh (Lan)	Phú Long	143	510	316,3	316,3	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Trần Khánh), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	3461,6	22,8%	5		Hộ gia đình SXNN TT	
			143	96	473,6	473,6	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Trần Khánh), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).						

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích	Trong mốc GPMB	Ngoài mốc GPMB	Loại đất	Vị trí	Nguồn gốc (thời điểm sử dụng đất hợp pháp, các giấy tờ sử dụng đất kèm theo)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Tỉ lệ % THĐ đất nông nghiệp	Số khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Chính sách xã hội đủ điều kiện hỗ trợ	Đối tượng sản xuất nông nghiệp TT	Ghi chú
53	Dương Văn Thân (Ruyện)	Phú Long	143	97	330,8	330,8	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Dương Thân), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2712,8	26,7%	2		Hộ gia đình SXNN TT	
		Phú Long	143	63	393,4	393,4	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Dương Thân), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)						
54	Nguyễn Văn Dước (Bích)	Phú Long	143	61	697,7	697,7	0	LUC	VT1	Giấy chứng nhận số BX688729; Sổ vào sổ CH00930 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 61 tờ 22	2381,3	29,3%	6		Hộ gia đình SXNN TT	
55	Trần Công Hương (Mính)	Phú Long	143	64	421,4	421,4	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Trần Hương), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2223,3	19,0%	2		Hộ gia đình SXNN TT	
56	Phan Văn Lợi (Nga)	Phú Long	143	65	438,5	438,5	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Phan Lợi), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	1955,1	22,4%	3		Hộ gia đình SXNN TT	
57	Bùi Minh Hạ (Vĩnh)	Phú Long	143	66	288,3	288,3	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Bùi Hạ), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất	4699,8	86,5%	2		Hộ gia đình SXNN TT	
		Phú Long	143	36	3006,6	2797,2	209,4	LUC	VT1	Đất được cấp GCN QSD đất số BX686933; Sổ vào sổ CH01144 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 36 tờ 22						
		Phú Long	143	37	85,1	85,1		LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Bùi Hạ), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất						
		Phú Long	143	58	687,5	630,2	57,3	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Bùi Hạ), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất						
58	Bùi Văn Hòa (Trâm)	Phú Long	143	70	13,2	13,2		LUC	VT1	Đất được cấp GCN QSD đất số BX688711, cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 70 tờ 22	3280,1	0,4%	5		Hộ gia đình SXNN TT	
59	Nguyễn Tiến Đán (Chinh)	Phú Long	143	60	501	496,7	4,3	LUC	VT1	Đất được cấp GCN QSD đất số BY370931; Sổ vào sổ CH03499 cấp ngày 16/1/2015 tại thửa 60 tờ 22	1358	36,9%	5		Hộ gia đình SXNN TT	

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích	Trong mốc GPMB	Ngoài mốc GPMB	Loại đất	Vị trí	Nguồn gốc (thời điểm sử dụng đất hợp pháp, các giấy tờ sử dụng đất kèm theo)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Tỉ lệ % THĐ đất nông nghiệp	Số khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Chính sách xã hội đủ điều kiện hỗ trợ	Đối tượng sản xuất nông nghiệp TT	Ghi chú
60	Hoàng Ngọc Dánh (Võ)	Phú Long	143	95	406,5	406,5	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Hoàng Dánh), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2242,8	18,1%	9		Hộ gia đình SXNN TT	
61	Trần Ngung (Thế)	Phú Long	143	103	459,8	459,8	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Trần Ngung), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	1219,8	37,7%	2	Người cao tuổi đang hưởng NĐ 176	Hộ gia đình SXNN TT	
62	Nguyễn Đức Hiền (Mai)	Phú Long	143	102	423,4	423,4	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Nguyễn Đản), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	3751,4	11,3%	6		Hộ gia đình SXNN TT	
63	Nguyễn Văn Quế (Tâm)	Phú Long	143	101	355,7	355,7	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Nguyễn Quế), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2279,6	15,6%	3		Hộ gia đình SXNN TT	
64	Trần Đình Xuân (Quang)	Phú Long	143	99	439,5	439,5	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Trần Xuân), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2326,8	18,9%	6		Hộ gia đình SXNN TT	
65	Nguyễn Văn Hạnh (Thú)	Phú Long	143	100	448,6	388,4	60,2	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Nguyễn Hạnh), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	4522	9,9%	5		Hộ gia đình SXNN TT	
66	Đình Văn Phúc (Danh)	Phú Long	143	135	257,3	141,5	115,8	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Đình Phúc), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2208,4	11,7%	2		Hộ gia đình SXNN TT	
67	Bùi Văn Tình	Phú Long	143	136	288	288	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Bùi Tình), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2766,5	21,3%	6		Hộ gia đình	

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích	Trong mốc GPMB	Ngoài mốc GPMB	Loại đất	Vị trí	Nguồn gốc (thời điểm sử dụng đất hợp pháp, các giấy tờ sử dụng đất kèm theo)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Tỉ lệ % THĐ đất nông nghiệp	Số khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Chính sách xã hội đủ điều kiện hỗ trợ	Đối tượng sản xuất nông nghiệp TT	Ghi chú
67	(Sinh)	Phú Long	143	512	300,1	300,1	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Bùi Tình), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2700,3	21,37%	0		Hộ gia đình SXNN TT	
68	Nguyễn Văn Hùng (Liệu)	Phú Long	143	511	243,5	243,5	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Nguyễn Hùng), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2757,4	18,7%	6		Hộ gia đình SXNN TT	
		Phú Long	143	509	272,4	272,4	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Nguyễn Hùng), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)					Hộ gia đình SXNN TT	
69	Nguyễn Văn Nguyên (Quyên)	Phú Long	143	132	262	262	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Quyên Nguyên), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2473	21,4%	4		Hộ gia đình SXNN TT	
		Phú Long	143	513	267,3	267,3	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Quyên Nguyên), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)						
70	Trần Xuân Tương (Hồng)	Phú Long	143	131	511,5	511,5	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Trần Tương), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2425	21,1%	4		Hộ gia đình SXNN TT	
71	Trần Trọng Bình (Khánh)	Phú Long	143	94	2328,6	2145,1	183,5	LUC	VT1	Đất được cấp GCN số BX 688722 ngày 16/01/2015 tại thửa 94 tờ 22	2859,1	81,4%	4		Hộ gia đình SXNN TT	

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích	Trong mốc GPMB	Ngoài mốc GPMB	Loại đất	Vị trí	Nguồn gốc (thời điểm sử dụng đất hợp pháp, các giấy tờ sử dụng đất kèm theo)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Tỉ lệ % THĐ đất nông nghiệp	Số khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Chính sách xã hội đủ điều kiện hỗ trợ	Đối tượng sản xuất nông nghiệp TT	Ghi chú
72	Trương Văn Thương (Thanh)	Phú Long	143	178	516,7	230,8	285,9	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Trương Thương), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lần chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2493,9	20,7%	5		Hộ gia đình SXNN TT	
73	Nguyễn Văn Lâm	Phú Long	143	179	506,8	121,8	385	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Nguyễn Lâm), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lần chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2734,3	18,5%	6		Hộ gia đình SXNN TT	
74	Đào Xuân Ngân (Bùi Thị Sơn)	Phú Long	143	171	617,2	510,1	107,1	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Đào Ngân), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lần chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	3132	19,7%	2		Hộ gia đình SXNN TT	
75	Trần Thế Tài (Ái)	Phú Long	143	170	243,7	199,4	44,3	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên cả vợ và chồng Anh Đường), Cho Hộ Trần Thế Tài sử dụng đất ổn định, liên tục từ đó đến nay, không có tranh chấp lần chiếm, chưa được cấp đổi . Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2310,7	27,1%	5		Hộ gia đình SXNN TT	
			143	514	307,6	254,7	52,9	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Trần Tài), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lần chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất						
			143	130	75,2	75,2		LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Trần Tài), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lần chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất						
76	Nguyễn Hữu Phước (Nhoan)	Phú Long	143	169	542,8	439,3	103,5	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Nguyễn Phước), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lần chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	2286,8	23,7%	2		Hộ gia đình SXNN TT	

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích	Trong mốc GPMB	Ngoài mốc GPMB	Loại đất	Vị trí	Nguồn gốc (thời điểm sử dụng đất hợp pháp, các giấy tờ sử dụng đất kèm theo)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Tỉ lệ % THĐ đất nông nghiệp	Số khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Chính sách xã hội đủ điều kiện hỗ trợ	Đối tượng sản xuất nông nghiệp TT	Ghi chú
77	Nguyễn Văn Bàng (Hiên)	Phú Long	143	137	312,6	312,6	0	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Nguyễn Bàng), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	923,5	67,4%	3		Hộ gia đình SXNNTT	
			143	168	309,7	158,3	151,4	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Nguyễn Bàng), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)						
78	Nguyễn Văn Thạch (Bình)	Phú Long	143	138	712	560	152	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Bình Thạch), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	1300	54,8%	5		Hộ gia đình SXNNTT	
79	Trần Xuân Văn (Ngân)	Phú Long	143	139	591,8	450	141,8	LUC	VT1	Đất được giao cho gia đình theo Phương án chuyển đổi năm 2006 (mang tên Trần Văn), chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn)	1923	30,8%	5		Hộ gia đình SXNNTT	
80	Phan Đình Ngạn (Sen)	Phú Long	143	140	515,8	382,7	133,1	LUC	VT1	Giấy chứng nhận số BX688827; Sổ vào sổ CH00960 cấp ngày 16/1/2015	2197,8	23,5%	5		Hộ gia đình SXNNTT	
81	Nguyễn Văn Thiên (Thoan)	Phú Long	143	508	461,1	204,6	256,5	LUC	VT1	Đất được giao theo Phương án chuyển đổi cho gia đình năm 2006 (Thiên Thoan) chưa được cấp đổi, đất sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp lấn chiếm. Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (có hồ sơ lưu trữ ở thôn).	2599,6	17,7%	4		Hộ gia đình SXNNTT	
II	Đất tổ chức				13231,6	4275	926,4									
	UBND xã	Đồng Tiến	142	86	751,3	239,7		DTL								
			142	110	271	271	0	DTL								
			142	122	380,8	286,4	94,4	DTL								
			142	170	62,2	62,2	0	BCS								
			142	337	1483,3	325,1		DGT								
			142	337	1618,5	730,8		DGT								
			143	59	47,3	37,7	9,6	DGT								
			143	67	66,4	66,4	0	DGT								
			143	68	987,5	697,9	289,6	DTL								
			143	69	104,8	7,1	97,7	DGT								
			143	98	151,8	101,8	50	DTL								
			143	133	106,8	92,3	14,5	DTL								

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích	Trong mốc GPMB	Ngoài mốc GPMB	Loại đất	Vị trí	Nguồn gốc <i>(thời điểm sử dụng đất hợp pháp, các giấy tờ sử dụng đất kèm theo)</i>	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Tỉ lệ % THĐ đất nông nghiệp	Số khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Chính sách xã hội đủ điều kiện hỗ trợ	Đối tượng sản xuất nông nghiệp TT	Ghi chú
			143	482	5604,7	132		DGT								
			143	489	32,8	23	9,8	DGT								
			143	489	1562,4	1201,6	360,8	DGT								
					67895,3	54017,0	5848,1									

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ ANH